**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**MÔN: TIẾNG ANH LỚP7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kỹ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng****cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | ***Tổng Số CH*** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **I.** | **LISTENING** | 1. Nghe một đoạn hội thoại trong 9 phút (khoảng 80 – 100 từ) để lựa chọn đáp án đúng có liên quan đến chủ đề **Hobbies**. Dạng bài **MCQs** | **Nhận biết:** - Nghe lấy thông tin chi tiết. | 6 |  |  |  |  |  |  |  | 6 |  |
| **Thông hiểu:** - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:** - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.- Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Nghe một đoạn hội thoại khoảng 6 phút (khoảng 80 – 100 từ) liên quan đến chủ đề **Community Service**. Dạng bài **T or F** | **Nhận biết:** - Nghe lấy thông tin chi tiết. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:** - Hiểu nội dung chính của đoạn hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  | 4 |  |  |  |  |  | 4 |
| **Vận dụng:** - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.- Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **LANGUAGE** | **1. Pronunciation**Các nguyên âm đơn. | **Nhận biết:**- Nhận biết các âm **/tʃ/**, **/dʒ/**, **/ /ɒ/ /ɔ:/** thông qua các từ vựng theo chủ đề đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:** - Phân biệt được các âm trong phần nghe. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**- Hiểu và vận dụng vào bài nghe/nói. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Vocabulary**Từ vựng đã học theo chủ điểm: hobbies, healthy living, community service, music and arts, food and drink, a visit to a school. | **Nhận biết:**- Nhận ra, nhớ lại, liệt kê được các từ vựng theo chủ đề đã học. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:** - Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ đề đã học. - Nắm được các mối liên kết và kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng. |  |  | 2 | 2 |  |  |  |  | 2 | 2 |
| **Vận dụng:** - Hiểu và vận dụng được từ vựng đã học trong văn cảnh (danh từ, động từ, tính từ và trạng từ…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3. Grammar**Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học. | **Nhận biết:**Hiểu được các chủ điểm ngữ pháp đã học.(Verbs of liking and dislike, past simple, comparisons, prepositions of time and place ….) | 4 |  |  |  |  |  |  |  | 4 |  |
| **Thông hiểu:**- Hiểu và phân biệt các chủ điểm ngữ pháp đã học. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | **Vận dụng:**- Hiểu và vận dụng các kiến thức ngữ pháp đã học vào bài nghe/ nói/ đọc/ viết. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III.** | **READING** | **1. MCQS**Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 100 từ về chủ điểm “Hobby”. | **Nhận biết:** - Nhận ra được các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. | 5 |  |  |  |  |  |  |  | 5 |  |
| **Thông hiểu:**- Phân biệt được các đặc trưng, đặc điểm các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:**- Sử dụng các kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng trong các tình huống mới. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Reading comprehension**Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 120 từ về chủ điểm “Traffic”. Dạng bài trả lời câu hỏi. | **Nhận biết:**- Thông tin chi tiết |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:** - Hiểu ý chính của bài đọc và chọn câu trả lời phù hợp. - Hiểu được nghĩa tham chiếu.- Loại trừ các chi tiết để đưa ra câu trả lời phù hợp |  |  |  | 4 |  |  |  |  |  | 4 |
| **Vận dụng:** - Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.- Hiều, phân tích, tổng hợp ý chính của bài để chọn câu trả lời phù hợp. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV.** | **WRITING** | **1. Error identification**Xác định lỗi sai | **Nhận biết:**- Nhận diện lỗi về ngữ pháp và từ loại trong câu. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Sentence transformation**Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho trước | **Thông hiểu:** - Sử dụng các từ đã để sắp xếp thành câu hoàn chỉnh. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:** - Hiểu câu gốc và sử dụng các từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.  |  |  |  |  |  | 5 |  |  |  | 5 |
| **Summary/ Passage**Viết tóm tắt/ Viết đoạn văn | **Vận dụng cao:**– Viết email (có hướng dẫn: 5 câu hỏi) khoảng 80 từ với nội dung: mời bạn mình tham gia một sự kiện dành cho học sinh  |  |  |  |  |  |  |  | 5 |  | 5 |
| **V.** | **SPEAKING** | ***(Phần SPEAKING tổ chức thi buổi riêng)******+ Nội dung:*** *- Hỏi - đáp và trình bày về các nội dung liên quan đến các chủ điểm có trong chương trình.**- Sử dụng được một số chức năng giao tiếp cơ bản như hướng dẫn, bày tỏ ý kiến, hỏi đường, hỏi thông tin và cung cấp thông tin, …**+* ***Kỹ năng:****- Kỹ năng trình bày một vấn đề; sử dụng ngôn ngữ cơ thể và các biểu đạt trên khuôn mặt phù hợp; kỹ năng nói trước đám đông…****+ Ngôn ngữ và cấu trúc:****- Ưu tiên sử dụng những cấu trúc đã học trong chương trình.****(Các chủ đề nói trong phần ghi chú)*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1. Introduction**  | **Nhận biết:** - G*iới thiệu các thông tin về bản thân/ sở thích/ về thầy cô, mái trường/ môn học yêu thích.***Thông hiểu:** *- Sử dụng kiến thức ngôn ngữ đã học để trả lời câu hỏi giáo viên về bản thân* |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 64 |
| **2. Topic speaking**  | **Vận dụng:** *- Sử dụng kiến thức ngôn ngữ đã học để nói theo các chủ đềchủ đề: hobbies; healthy living; community service, music and arts; food and drink; a visit to a school.**- Sử dụng từ vựng và cấu trúc linh hoạt, diễn tả được nội dung cần nói theo những cách khác nhau. Phát âm tương đối chuẩn***Vận dụng cao:** *Hiểu và trả lời được câu hỏi của giám khảo và trả lời một cách linh hoạt. Sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên và thuần thục**.* |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 10 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Tổng*** |  |  | ***17*** |  | ***3*** | ***10*** |  | ***5*** |  | **5** | **20** | **40** |